CÔNG TY CỔ PHẦN **CHỨNG KHOÁN VIX**	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 71/2026/VIX/NQ - HĐQT	Hà Nội, ngày 02 tháng 11 năm 2026

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

V/v: Thông qua ban hành Quy chế công bố thông tin

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIX

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;*
- *Điều lệ Công ty cổ phần Chứng khoán VIX (VIX);*
- *Biên bản họp Hội đồng quản trị (HĐQT) ngày 02/11/2026.*

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua việc ban hành Quy chế công bố thông tin áp dụng cho Công ty cổ phần Chứng khoán VIX.

(Theo Quy chế công bố thông tin đính kèm)

Điều 2: Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành nghị quyết này.

Nơi nhận: - *Như Điều 2;* - *Ban Kiểm soát;* - *Lưu VT, HĐQT.*	**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ** **CHỦ TỊCH** **HÀ HUY HÙNG**

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 71/2026/VIX/NQ-HĐQT ngày 02/11/2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chứng khoán VIX)

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về việc thực hiện nghĩa vụ, cách thức, trình tự công bố các thông tin liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty Cổ phần chứng khoán VIX (Sau đây được gọi tắt là "VIX" hoặc "Công ty") trên thị trường chứng khoán và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật. Đồng thời quy định việc phối hợp giữa công ty, cổ đông, nhà đầu tư với cơ quan có thẩm quyền, xác định công việc và trách nhiệm, quyền hạn của chuyên viên, nhân viên, đơn vị trực thuộc liên quan đến hoạt động công bố thông tin tại Công ty.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng cho các đối tượng sau: Nhân viên, chuyên viên phòng/ban được phân công nhiệm vụ công bố thông tin; người được uỷ quyền thực hiện công bố thông tin; người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ; trưởng các phòng ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc; cổ đông và Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông theo quy định của pháp luật; và các tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Cá nhân, tổ chức khác thuộc đối tượng công bố thông tin bao gồm:
   a. Người hành nghề chứng khoán của Công ty; Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ;
   b. Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty;
   c. Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên (hoặc tỷ lệ khác được pháp luật quy định là cổ đông lớn) số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
   d. Cổ đông, nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên (hoặc tỷ lệ khác được pháp luật hiện hành quy định là Cổ đông lớn) số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
   e. Cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng của Công ty;
   f. Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Công ty;
   g. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam.
2. Người nội bộ là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của Công

ty bao gồm:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị;

b. Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm toán nội bộ;

c. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc hoặc các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

d. Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng;

e. Người đại diện theo pháp luật, Người được ủy quyền công bố thông tin;

f. Thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty;

3. Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

a. Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp;

b. Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết;

c. Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;

d. Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;

e. Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;

f. Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định pháp luật khác có liên quan.

4. Ngày công bố thông tin: Là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin.

5. Công bố thông tin định kỳ: là hoạt động công bố thông tin vào những thời điểm xác định trong năm theo quy định pháp luật.

6. Công bố thông tin bất thường: là hoạt động công bố thông tin trong một thời hạn nhất định được xác định (24h, 48h, 10 ngày, ...) sau khi xảy ra các sự kiện đột xuất, bất thường theo quy định pháp luật.

7. Công bố thông tin theo yêu cầu: là hoạt động công bố thông tin khi có yêu cầu của UBCKNN, SGDCK và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

8. Các từ viết tắt:

VIX/ Công ty: Công ty cổ phần Chứng khoán VIX

UBCKNN: Ủy ban chứng khoán Nhà nước

SGDCK: Sở Giao dịch chứng khoán

VSDC: Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam

CBTT: Công bố thông tin

TTCN: Thông tin cá nhân.

Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Ngôn ngữ CBTT trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt và tiếng Anh (việc CBTT bằng tiếng Anh sẽ được thực hiện theo lộ trình quy định bởi pháp luật Việt Nam). Thông tin công bố bằng tiếng Anh phải bảo đảm thống nhất với nội dung thông tin công bố bằng tiếng Việt. Trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì thông tin bằng tiếng Việt được áp dụng.
2. Đối tượng CBTT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng CBTT phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó;
3. Khi thực hiện CBTT phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCK nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định;
4. Việc CBTT do Người đại diện theo pháp luật hoặc người được uỷ quyền CBTT thực hiện, phải đảm bảo tính chính xác, kịp thời và đảm bảo tuân thủ về nội dung theo yêu cầu của quy định pháp luật và cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
5. Khi thay đổi người được ủy quyền CBTT thì người được ủy quyền mới có trách nhiệm làm thủ tục thay đổi người được ủy quyền CBTT theo quy định của pháp luật hiện hành.
6. CBTT cá nhân của các đối tượng phải CBTT:

   - Các TTCN bao gồm: CCCD/Căn cước/chứng minh quân nhân/Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ (nếu có), khi chỉ được thực hiện CBTT phải được chủ thể liên quan nếu cá nhân đó đồng ý.

   - Trường hợp chủ thể không đồng ý hoặc không muốn công khai các thông tin các nhân nêu trên thì người thực hiện CBTT phải gửi UBCKNN và SGDCK 02 bản tài liệu, bao gồm 01 bản bao gồm đầy đủ TTCN và 01 bản không bao gồm TTCN để UBCKNN và SGDCK thực hiện công khai thông tin.

Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin

1. Người thực hiện CBTT là 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền CBTT theo quy định của Quy chế này và pháp luật có liên quan. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền CBTT công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện CBTT mà cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền CBTT đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin.
2. Công ty phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về Người thực hiện CBTT cho UBCKNN (sau đây gọi tắt là UBCKNN) và SGDCK (sau đây gọi tắt là Sở GDCK) trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, uỷ quyền hoặc thay đổi người thực hiện CBTT có hiệu lực.

Điều 5. Phương tiện công bố thông tin

1. Các phương tiện CBTT bao gồm:
   a. Trang thông tin điện tử (website) của Công ty, địa chỉ: www.vixs.vn.
   b. Hệ thống CBTT của UBCKNN: Phần mềm CSMS
   c. Hệ thống CBTT của HNX/VNX: Phần mềm CIMS
   d. Hệ thống CBTT của HSX: Phần mềm ECM
   d. Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC).
   e. Các phương tiện thông tin khác theo quy định của pháp luật (báo in, báo điện tử, ….).
2. Việc thực hiện CBTT tới UBCKNN, Sở GDCK, VSDC và các cơ quan quản lý Nhà nước khác theo quy định của từng cơ quan trong từng thời kỳ.
3. Trường hợp không thể gửi thông tin công bố qua hệ thống CBTT điện tử vì lý do bất khả kháng như hệ thống mạng, máy chủ gặp sự cố, không thể sử dụng chứng thư số, tạm ngưng hoạt động theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.., Công ty có trách nhiệm gửi thông tin công bố bằng văn bản qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại UBCKNN, SGDCK, VSDC nơi có nghĩa vụ công bố thông tin, đồng thời gửi bản dữ liệu điện tử qua hòm thư thư điện tử của các Cơ quan này đúng thời hạn quy định và thông báo ngay cho UBCKNN, SGDCK, VSDC nơi có nghĩa vụ CBTT biết lý do không thể thực hiện gửi thông tin công bố qua hệ thống CBTT điện tử của UBCKNN, SGDCK, VSDC để được hướng dẫn hoặc khắc phục sự cố (nếu cần).
4. Trường hợp nghĩa vụ CBTT phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật thì Công ty thực hiện CBTT trên trang thông tin điện tử (webside) của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ CBTT theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày

nghỉ, ngày lễ.

CHƯƠNG II: NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 6. Tư cách công bố thông tin

1. Công ty có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ CBTT tương ứng với từng tư cách pháp lý và hoạt động của Công ty trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật.
2. Các tư cách CBTT của Công ty bao gồm nhưng không giới hạn:
   a. Công ty chứng khoán;
   b. Công ty đại chúng, tổ chức niêm yết;
   c. Thành viên giao dịch, thành viên lưu ký;
   d. Tổ chức phát hành, tổ chức bảo lãnh phát hành;
   đ. Cổ đông lớn, cổ đông sáng lập, cổ đông chiến lược hoặc nhà đầu tư thuộc đối tượng phải CBTT theo quy định của pháp luật;
   e. Người có liên quan của người nội bộ hoặc các tư cách khác làm phát sinh nghĩa vụ CBTT theo quy định của pháp luật.
3. Trường hợp Công ty đồng thời có nhiều tư cách làm phát sinh nghĩa vụ CBTT, Công ty có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ CBTT tương ứng theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Công bố thông tin định kỳ

Công ty phải CBTT định kỳ trong thời hạn quy định theo pháp luật về CBTT, bao gồm nhưng không giới hạn:

1. Báo cáo Tài chính;
2. Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính;
3. Báo cáo Thường niên;
4. Thông tin và tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên;
5. Báo cáo Tình hình quản trị công ty;
6. CBTT về hoạt động khác của Công ty:
   - CBTT về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn;
   - Cơ cấu cổ đông, tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
   - CBTT về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;

- CBTT khác theo quy định.

7. CBTT định kỳ khác theo quy định pháp luật hiện hành về công bố thông tin trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam.

Điều 8. Công bố thông tin bất thường

1. Công ty có trách nhiệm thực hiện CBTT bất thường trong thời hạn 24 giờ *(hoặc thời hạn khác theo văn bản pháp luật hiện hành quy định)* kể từ khi xảy ra hoặc nhận được thông tin về các sự kiện thuộc diện phải CBTT bất thường theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Trường hợp pháp luật có quy định thời hạn CBTT khác đối với từng sự kiện cụ thể, Công ty thực hiện theo thời hạn tương ứng.
2. Nội dung CBTT bất thường phải bảo đảm chính xác, đầy đủ, kịp thời và phản ánh trung thực sự kiện phát sinh; trong đó nêu rõ nội dung sự kiện, nguyên nhân và các biện pháp, phương án xử lý, khắc phục (nếu có) theo quy định của pháp luật.
3. Việc CBTT bất thường được thực hiện theo quy định tại Thông tư hướng dẫn CBTT trên thị trường chứng khoán của Bộ Tài chính, các quy chế, quy định có liên quan của UBCKNN, SGDCK, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp luật có liên quan.
4. Các đơn vị, cá nhân có liên quan có trách nhiệm kịp thời cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu về sự kiện phát sinh cho bộ phận đầu mối thực hiện CBTT của Công ty, bảo đảm việc CBTT được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định.

Điều 9. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Công ty phải CBTT trong thời hạn theo quy định kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK khi có thông tin liên quan đến Công ty, chi nhánh ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.
2. Nội dung thông tin công bố quy định tại khoản 1 Điều này phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân, mức độ xác thực của sự kiện đó và giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 10. Công bố thông tin khác

Ngoài các nghĩa vụ CBTT định kỳ, bất thường và theo yêu cầu quy định tại Quy chế này, Công ty có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ CBTT khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 11. Sửa đổi, đính chính thông tin đã công bố

1. Khi phát hiện thông tin đã công bố có sai sót, chưa chính xác hoặc cần sửa đổi, bổ sung, các đơn vị, cá nhân có liên quan có trách nhiệm kịp thời thông báo cho Người thực hiện công bố thông tin, đồng thời rà soát, xác định nguyên nhân, nội dung cần sửa đổi, bổ sung và trách nhiệm của các bên liên quan (nếu có).

2. Căn cứ nội dung thông tin cần sửa đổi, bổ sung, Người thực hiện công bố thông tin phối hợp với các đơn vị có liên quan báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt và thực hiện công bố thông tin sửa đổi, bổ sung, đính chính theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty.

3. Việc sửa đổi, bổ sung, đính chính thông tin đã công bố phải bảo đảm chính xác, đầy đủ, kịp thời; đồng thời thực hiện giải trình, báo cáo và công bố thông tin tới UBCKNN, SGDCK và các cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Công ty được tạm hoãn CBTT trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, ...) và phải báo cáo UBCKNN, Sở GDCK và các cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan về việc tạm hoãn CBTT ngay khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin.

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty phải công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG III: QUY TRÌNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 13. Quy trình CBTT

1. Quy trình CBTT tại Công ty được thực hiện tối thiểu theo các bước cơ bản sau:

   Bước 1: Xác định thông tin phải công bố

   Bước 2: Lập và kiểm tra tài liệu công bố thông tin

   Bước 3: Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt nội dung công bố thông tin

   Bước 4: Thực hiện công bố thông tin

   Bước 5: Lưu trữ và bảo quản hồ sơ công bố thông tin

2. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm xây dựng và ban hành Quy trình chi tiết về việc công bố thông tin và chỉ đạo, giám sát các phòng ban, cá nhân liên quan tại Công ty triển khai thực hiện theo Quy chế này, Quy trình đã ban hành và các quy định pháp luật hiện hành.

3. Khi cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan có thẩm quyền cần giải đáp thắc mắc hoặc cung cấp thông tin, người thực hiện CBTT trả lời các thông tin thuộc nội dung thông tin phải công bố theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trong trường hợp thắc mắc, yêu cầu của cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan có thẩm quyền không thuộc danh mục thông tin nêu trên thì tuỳ theo tính chất và nội dung cần giải đáp, Ban Điều hành chỉ định cá nhân và các bộ phận chuyên môn có liên quan trong Công ty phản hồi kịp thời cho cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan có thẩm quyền. Nội dung các công văn trả lời phải do Tổng giám đốc phê duyệt.

Điều 14. Trách nhiệm của bộ phận công bố thông tin

1. Giám sát việc thực hiện đúng quy trình công bố thông tin.
2. Kiểm tra tính chính xác, phù hợp của nội dung báo cáo, công bố, đối chiếu báo cáo với các quy định hiện hành về công bố thông tin và thực hiện công bố thông tin đến các tổ chức, cá nhân cần thiết theo quy định.
3. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc về việc thực hiện công bố thông tin.
4. Thực hiện các công việc khác được giao.

Điều 15. Trách nhiệm các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc

1. Theo dõi và thực hiện đúng các quy định tại Quy chế công bố thông tin.
2. Cung cấp thông tin theo chức năng nhiệm vụ được giao tại Quy chế CBTT hoặc yêu cầu trực tiếp của Tổng giám đốc, Bộ phận công bố thông tin.
3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của Tài liệu CBTT, thông tin cung cấp cho bộ phận công bố thông tin.

CHƯƠNG IV: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Xử lý vi phạm về công bố thông tin

1. Trường hợp Công ty có hành vi vi phạm quy định pháp luật về CBTT thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, Công ty phải chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.
2. Người thực hiện CBTT và các cá nhân, đơn vị có liên quan nếu có hành vi vi phạm quy định về CBTT hoặc không thực hiện đầy đủ trách nhiệm được giao, dẫn đến vi phạm nghĩa vụ CBTT của Công ty thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và trách nhiệm của từng cá nhân, đơn vị, có thể bị xem xét xử lý kỷ luật theo quy định nội bộ của Công ty và/hoặc bị xử lý theo quy định của pháp luật.
3. Trường hợp hành vi vi phạm gây thiệt hại cho Công ty hoặc các tổ chức, cá nhân có liên quan thì việc xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại được thực hiện theo quy định của pháp luật và các quy định nội bộ có liên quan của Công ty

Điều 17. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 4 chương và 19 điều, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các Quy chế công bố thông tin đã được ban hành trước đây.
2. Những nội dung chưa được quy định tại Quy chế này được thực hiện theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật có liên quan. Trường hợp quy định tại Quy chế này không phù hợp với quy định pháp luật hiện hành thì áp dụng quy định của pháp luật.

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế

1. Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát sinh vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung Quy chế để phù hợp với quy định pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của Công ty, các đơn vị, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phản ánh, đề xuất với bộ phận đầu mối để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét.
2. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng Quản trị Công ty.

Điều 19. Tổ chức thực hiện

Các Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người thực hiện công bố thông tin, Trưởng các bộ phận chuyên môn và cá nhân có liên quan của Công ty cổ phần Chứng khoán VIX có trách nhiệm tổ chức triển khai và thực hiện theo Quy chế này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

S.G.P : 70 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIX
P. HAI BÀ TRƯNG - T.P HÀ NỘI

HÀ HUY HÙNG